

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 27 -11-2019

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và Ông Nguyễn Huy Thông

- T ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - T ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại hội trường Tòa án huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 50/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXX-ST ngày 01/11/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1966 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1970 (vợ anh L) - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (chồng chị T) - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Ngọc L trình bày:

Ngày 17/5/2016 vợ chồng anh cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng; khi cho vay

chị Hà (vợ anh) là người đưa tiền cho chị T. Đến hạn trả nợ chị T không trả nợ gốc và lãi suất, anh đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị T trả nhưng không trả. Nội dung trong giấy vay tiền ngày 17/5/2016 là do chị T trực tiếp viết và ký tên. Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 anh yêu cầu chị T trả nợ cho số tiền nợ gốc 40.000.000đồng và lãi suất 24.000.000đồng. Ngày 13/8/2019 anh có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 17/5/2016 đến ngày xét xử xong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 05/11/2019 anh Nguyễn Văn T (chồng chị T) đã trả cho vợ chồng anh số tiền gốc là 3.700.000 đồng của số tiền vay trên.

Tại phiên tòa anh yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T trả cho vợ chồng anh số tiền lãi suất tính từ 17/5/2016 đến ngày 05/11/2019 của số tiền gốc 40.000.000đ với thời gian tính lãi là 41 tháng 19 ngày (số tiền lãi là $40.000.000đ \times 1\% \times 41 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 16.653.500đ$). Ngày 05/11/2019 trả được 3.700.000đ tiền gốc nên số tiền gốc còn nợ là 36.300.000đ. Số tiền lãi suất tính từ ngày 06/11/2019 đến ngày 27/11/2019 của số tiền gốc 36.300.000đ với thời gian 22 ngày (số tiền lãi là $36.300.000đ \times 1\% \times 22 \text{ ngày} = 266.200đ$). Vợ chồng chị T, anh T còn nợ vợ chồng anh tổng số tiền gốc, lãi suất là 53.219.700đ; nhưng anh chỉ yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả số tiền 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng).

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Ngày 17/5/2016 chị có trực tiếp vay của anh Phạm Ngọc L số tiền 40.000.000 đồng. Khi đến vay chị Hồ Thị H (vợ anh L) đưa tờ giấy A4 in sẵn rồi chị trực tiếp viết các thông tin ngày vay 17/5/2016, bên vay Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn Tiến Mỹ, xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, số tiền vay 40.000.000 đồng, bằng chữ “bốn mươi triệu đồng” và chữ ký dưới người vay tiền là Nguyễn Thị T. Ngày 17/5/2018 chị Hà tính tiền lãi và yêu cầu chị viết vào giấy vay ngày 17/5/2016 “Hà tính lãi đến 17/5/2018 là 24.400.000đồng (Hai mươi tư triệu bốn trăm)” nhưng số tiền lãi này chị đã trả. Mẫu giấy ghi người cho vay là anh Phạm Ngọc L nhưng người đưa tiền là chị Hà. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1.000đ/triệu/ngày, trong mẫu giấy in sẵn thời hạn vay là 30 ngày nhưng thực tế không thỏa thuận thời hạn vay. Hiện nay số tiền nợ gốc chị chưa trả, lãi suất trả bao nhiêu chị không nhớ rõ nhưng mỗi lần trả đều ghi vào sổ của chị Hà. Số tiền này chị trực tiếp đến vay của chị Hà, anh Nguyễn Văn T không tham gia nhưng vợ chồng có thống nhất vay về để chung máy sản xuất đá. Khi vay không cầm cố, thế chấp tài sản gì. Nay anh Phạm Ngọc L yêu cầu chị trả cho anh số tiền nợ gốc vay ngày 17/5/2016 là 40.000.000 đồng và lãi suất 1% kể từ ngày 17/5/2016 cho đến ngày Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án thì chị đồng ý trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, còn lãi suất từ ngày vay đến nay chị đã trả được một số đề nghị anh L và chị Hà xem xét lại.

- *Tại bản tự khai ngày 13/9/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị H trình bày:* Ngày 17/5/2016 chị Nguyễn Thị T có trực tiếp đến nhà chị vay số tiền 40.000.000 đồng. Chị là người trực tiếp đưa tiền cho chị T. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1.000đ/triệu/ngày, khi vay chị T có nói vay ít ngày để lấy hàng. Các thông tin trong giấy vay tiền gồm ngày vay, bên vay và số tiền vay do chị T viết và ký

vào giấy. Vì vợ chồng chị hay cho vay tiền nên có một số mẫu giấy vay tiền in sẵn bên cho vay là Phạm Ngọc L (chồng chị) và thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày vay, nhưng thực tế chị là người đưa tiền cho chị T vay. Trước đó anh T (chồng chị T) gọi điện thoại hỏi vay tiền, còn chị T đến nhận tiền và viết giấy vay. Số tiền cho chị T vay là tài sản chung của vợ chồng. Từ ngày vay đến nay vợ chồng chị đã nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng anh T và chị T trả nợ nhưng đến nay chưa trả khoản tiền gốc và lãi suất nào. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 3.700.000 đồng. Việc chị T trình bày trả tiền lãi suất cho vợ chồng chị là không có. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh T, chị T trả nợ như yêu cầu của anh L.

- *Tại bản tự khai ngày 21/10/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:* Ngày 17/5/2016 vợ chồng anh có vay của vợ chồng anh L, chị Hà số tiền 40.000.000 đồng; mục đích vay để làm kinh tế gia đình. Chị T (vợ anh) là người trực tiếp đến vay, viết giấy vay và nhận tiền. Vì gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay vợ chồng anh L, chị Hà yêu cầu vợ chồng anh trả nợ số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất 1% kể từ ngày vay cho đến nay thì anh chấp nhận cùng với chị T có nghĩa vụ trả số nợ gốc trên cho vợ chồng anh L, chị Hà, xin được miễn lãi suất. Anh cam đoan đến ngày 06/11/2019 sẽ trả cho anh L, chị Hà 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền còn lại sẽ trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, T ký Tòa án đã hiện đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn anh Phạm Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị H thực hiện đúng quy định BLTTDS.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T không chấp hành đầy đủ theo quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 17, 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468, 470 BLDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất cho anh L, chị Hà tính đến ngày xét xử là 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng).

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn Tiến Mỹ, xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ; Do đó áp dụng Điều 227 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[4] Về nội dung: Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay nợ ngày 17/5/2016 và lời khai của chị T cũng thừa nhận trực tiếp vay tiền và viết giấy vay tiền cho vợ chồng anh L, chị Hà. Nội dung giấy vay thể hiện người vay, người cho vay, số tiền vay và thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày viết giấy vay. Chị Nguyễn Thị T khai không thỏa thuận thời hạn trả nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Khi ký vào giấy vay tiền buộc chị T phải đọc lại nội dung nên buộc phải biết và thỏa thuận mới đồng ý ký vào giấy vay tiền. Người trực tiếp đến vay, nhận tiền, viết giấy vay và ký tên là chị Nguyễn Thị T. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T đều thống nhất có vay tiền của anh Phạm Ngọc L, chị Hồ Thị H nhằm mục đích để làm kinh tế gia đình, sử dụng mục đích chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng.

Mặc dù trong giấy vay thể hiện bên cho vay là anh Phạm Ngọc L nhưng chị Hà là người đưa tiền cho chị T; do đó số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng anh L, chị Hà. Chị Nguyễn Thị T và chị Hồ Thị H thừa nhận thỏa thuận tiền lãi suất bằng miệng là 1.000đ/ngày/triệu; thỏa thuận thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay. Vì vậy, đây là hợp đồng vay tiền được xác định cho vay có lãi suất, có thời hạn trả.

Anh Nguyễn Văn T hẹn đến ngày 06/11/2019 sẽ trả trước cho vợ chồng anh L, chị Hà số tiền 20.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả dần, xin được miễn lãi suất nhưng đến nay anh T mới trả cho anh L, chị Hà số tiền nợ gốc là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị T khai đã trả cho anh L và chị Hà một số tiền lãi suất nhưng anh L và chị Hà không chấp nhận và chị T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Việc hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1.000đ/triệu/ngày là cao hơn quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh L, chị Hà yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2005 và 2015 đã quy định.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến của anh L, chị Hà tại phiên tòa có căn cứ xác định tiền lãi tính từ 17/5/2016 đến ngày 05/11/2019 của số tiền gốc 40.000.000đ với thời gian tính lãi là 41 tháng 19 ngày (số tiền lãi là 40.000.000đ x 1% x 41 tháng 19 ngày = 16.653.500đồng). Ngày 05/11/2019 trả được 3.700.000đ tiền gốc nên số tiền gốc còn nợ là 36.300.000đ. Số tiền lãi suất tính từ ngày 06/11/2019 đến ngày 27/11/2019 của số tiền gốc 36.300.000đ với thời gian 22 ngày (số tiền lãi là

36.300.000đ x 1% x 22 ngày = 266.200đ). Vợ chồng chị T, anh T còn nợ vợ chồng anh tổng số tiền gốc, lãi suất là 53.219.700đ; nhưng anh chỉ yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả số tiền 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng).

Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L; buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T trả cho vợ chồng anh L, chị Hà 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng)

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho anh L, chị Hà; Hoàn trả cho anh Phạm Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của BLTTDS; Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 17, 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L.

Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Phạm Ngọc L và chị Hồ Thị H tổng số tiền 53.000.000đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự là 2.650.000đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Phạm Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004220, ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc L, chị Hồ Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Nguyễn Thị

T, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- CCTHADS h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh